

Bản án số: 105/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2026.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 717/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2026/QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994.

Căn cước: 060194009277, cấp ngày 03/4/2025. Nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ: Số A Đường số C, Tổ C, thôn S, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh Văn Công L, sinh năm 1993.

CCCD: 075093016304, cấp ngày 25/9/2022. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH.

Địa chỉ: Ấp C, xã L (xã B, huyện L cũ), tỉnh Đồng Nai.

(Chị N, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2025 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:***

Chị và anh Văn Công L là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79/2013 vào ngày 11/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, được vài

tháng sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã nhiều lần nói chuyện hàn gắn nhưng không đồng nhất quan điểm, không có tiếng nói chung, sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Văn Công L** vì không thể hàn gắn đoàn tụ được.

+ Về con chung: Có 01 con chung Văn Nguyễn Thúy An, sinh ngày 13/02/2014. Hiện nay, cháu **Văn Nguyễn Thúy A** đang sống chung với chị nên chị yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **A**. Theo đơn khởi kiện chị có yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con nhưng nay chị không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con chung nữa.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Do ở xa đi lại khó khăn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

* *Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng anh **Văn Công L** vắng mặt không ý kiến.*

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn; Căn cước của chị **N**; Căn cước công dân của anh **L**; Giấy khai sinh của cháu **A**; Giấy chứng nhận kết hôn; bản tự khai chị **N** ngày 27/11/2025; Bản tự khai cháu **A** ngày 22/1/2026; Đơn đề nghị xác minh thu thập chứng cứ ngày 19/01/2026; Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 19/01/2026; Biên bản xác minh tại **UBND xã L**; Biên bản xác minh tại **Công an xã L**.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Chị **N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh **L** được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **N**, anh **L**.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị **N**, anh **L** là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn đoàn tụ được, chị **N** xin ly hôn, yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị **N** ly hôn anh **L**.

Về con chung: Có 01 con chung Văn Nguyễn Thúy An, sinh ngày 13/02/2014. Hiện nay, cháu **Văn Nguyễn Thúy A** đang sống chung với chị **N**, chị **N** yêu cầu nuôi con, cháu **A** có nguyện vọng sống với mẹ do đó giao cháu **A** cho chị **N** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **A**. Chị **N** không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị **N** chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với nguyên đơn chị **Nguyễn Thị N**, bị đơn anh **Văn Công L**; chị **N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh **L** vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **N**, anh **L**.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **N**, anh **L** tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **S**, huyện **Đ**, tỉnh **Bình Thuận** nay là Ủy ban nhân dân xã **N**, tỉnh **Lâm Đồng** cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79/2013 vào ngày 11/10/2013 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Chị **N** trình bày trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã nhiều lần nói chuyện hàn gắn nhưng không đồng nhất quan điểm, không có tiếng nói chung. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự nhiều lần mục đích để ghi nhận ý kiến các bên nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng anh **L** không đến.

Xét vợ chồng chị **N**, anh **L** có mâu thuẫn không hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị **N** được ly hôn với anh **L** là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **N**, xử cho chị **N** được ly hôn anh **L**.

Về con chung: Có 01 con chung **Văn Nguyễn Thúy An**, sinh ngày 13/02/2014. Cháu **A** đang sống chung với chị **N**, chị **N** yêu cầu sau khi ly hôn giao cháu **A** cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **A**, chị không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu **A** cho chị **N** nuôi dưỡng, anh **L** không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét.

[3] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị N** chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị N** về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với anh **Văn Công L**, xử cho chị **Nguyễn Thị N** được ly hôn anh **Văn Công L**.

- Về con chung: Xử giao cháu **Văn Nguyễn Thúy A**, sinh ngày 13/02/2014 cho chị **Nguyễn Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **Văn Công L** không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **Nguyễn Thị N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006485 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Chị **Nguyễn Thị N**, anh **Văn Công L** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận: T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đồng Nai (1); **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai (1);

- THADS tỉnh Đồng Nai

(Phòng THADS khu vực 2) (1);

- UBND xã Nam Thành, tỉnh Lâm Đồng

(xã Sùng Nhơn, huyện Đức Linh, Bình Thuận)

GCNKH số 79/2013 ngày 11/10/2013 (1); **Nguyễn Ngọc An**

- Đương sự (2);

- Lưu (3).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ánh Sáng Nguyễn Thị Ngọc Đẹp Nguyễn Ngọc An

